

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 18-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống

Ông Lê Hoàng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Cảnh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ tên: Phạm Thành T; sinh năm 1975 tại huyện C; Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Thành N (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); Vợ tên Trần Thúy H, sinh năm 1981; Con 02 người (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 04/6/2018. (có mặt)

- Người bị hại: Ông Lê Quang T1, sinh năm 1952; nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 07/5/2018, sau khi nhậu với ông Lê Quang T1 tại nhà ở ấp C - xã H - huyện N - tỉnh Cà Mau, lợi dụng lúc ông T ngủ say thì Phạm Thành T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông T bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi tìm kiếm tài sản thì T phát hiện và lấy trộm của ông T 01 cái bóp bên trong có số tiền là 3.350.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 02 chỉ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy bảo hiểm y tế mang tên Lê Quang T1, 01

điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, 01 cây đèn pin, rồi bỏ trốn đến thành phố Cà Mau.

T đến nhà ông Tạ Thanh T3 ở ấp H - xã H1 - thành phố C, sau đó cùng với ông T3 đến quán của bà Bùi Thị Đ ở ấp N - xã M - huyện Đầm Dơi nhậu với 02 người phụ nữ tên L và N. T lấy tiền trộm cắp để trả tiền nhậu, đưa cho L 700.000 đồng trả tiền phòng. T nhờ N bán 01 chỉ vàng 24k được 3.500.000 đồng để tiếp tục trả tiền nhậu, còn 01 chỉ vàng 24k T đưa L mượn. Sau đó T đến nhà của Phan Văn L1 ở ấp B - xã L - huyện C chơi, T cho L1 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen và cây đèn pin. T đến cửa hàng của ông Đinh Văn T4 mua rượu và gửi chiếc ba lô chứa bóp và giấy tờ của ông T tại nhà ông T4 rồi đến nhà ông Châu Ngọc H ở ấp N - xã T - huyện C nhậu thì bị ông Kim Văn K (gần nhà ông T) phát hiện và báo Công an xã H mời T về làm việc.

Ông Lê Quang T1 sau khi mất tài sản đã đến Công an xã H trình báo sự việc bị mất tài sản gồm: Tiền Việt Nam là 3.350.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 02 chỉ, 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen, 01 cây đèn pin màu vàng, 01 cái bóp chứa giấy chứng minh nhân dân và giấy bảo hiểm y tế tên Lê Quang T1.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08/KL-HĐĐG ngày 05/6/2018 của Hội đồng định giá tái sản huyện Năm Căn kết luận:

- 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 02 chỉ, trị giá 7.080.000 đồng;
- 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen, giá trị còn lại 35.000 đồng;
- 01 cây đèn pin đội đầu màu vàng, giá trị còn lại là 82.000 đồng;
- 01 bóp da nam màu xám đen, giá trị còn lại là 18.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 7.215.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Phạm Thành T chiếm đoạt của ông Lê Quang T1 là 7.215.000 đồng + 3.350.000 đồng = 10.656.000 đồng.

Ngày 14/6/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Năm Căn đã trả lại ông Lê Quang T1 01 bóp da màu đen xám, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy bảo hiểm y tế tên Lê Quang T1. Đối với 01 điện thoại và 01 đèn pin đã mất, nên không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố Phạm Thành T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông T với số tiền là 10.547.000 đồng; Về xử lý vật chứng: Không đề cập.

- Bị cáo T thống nhất với nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại ông T trình bày ý kiến: Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật; về trách nhiệm dân sự: đề nghị bị cáo T bồi thường với số tiền 10.547.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Năm Căn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 02 người phụ nữ tên N và L, do không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể ở đâu, nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với ông Phan Văn L1 không biết điện thoại và cây đèn pin do T cho là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý là đúng quy định.

Bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 07/5/2018 bị cáo Phạm Thành T đã lén lút lấy của ông T gồm 01 bóp da bên trong có 3.350.000 đồng, 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy bảo hiểm y tế, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen và 01 cây đèn pin màu vàng với tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 10.656.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, lợi dụng đêm khuya, ông T đang ngủ, nên thiếu cảnh giác, đã lén lút lấy tài sản, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của ông T được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bất chính, muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác nên bị cáo bất chấp để thực hiện; đồng thời, hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông T yêu cầu bị cáo bồi thường đối với số tài sản không thu hồi được với số tiền là 10.547.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường; Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Thành T bồi thường cho ông Lê Quang T1 số tài sản không thu hồi được, với giá trị là 10.547.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Tang vật liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng.

- Buộc bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 527.000 đồng (năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng, tính tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thành T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Thành T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T bồi thường cho ông Lê Quang T1 với số tiền là 10.547.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị cáo T chậm bồi thường số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm bồi thường tại thời điểm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Tang vật liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu với số tiền là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu với số tiền là 527.000 đồng (năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng, tính tròn số).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu cầu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện Năm Căn;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Hoàng Tuấn